

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 01/2021/HC-PT

Ngày : 21- 9 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Hồ Tuấn Anh

Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vỹ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn Trình – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 6 năm 2021 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Minh A, sinh năm: 1953 (Có mặt)

Trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định, ông Nguyễn Văn B. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông C – Phó Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/09/2021 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định) (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh Bình Định.

Ông D; địa chỉ: M, thị trấn N, huyện Z, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch UBND huyện); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định: Ông C – Phó Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Bà E, sinh năm: 1956; Địa chỉ: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Bà F, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Q, P.K, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà G, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Q', P.K, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: P, P.R, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà I, sinh năm: 1978; Địa chỉ: M, xã N, huyện Z, tỉnh Bình Định. có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Người khởi kiện, ông Phạm Minh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện ông Phạm Minh A trình bày:

Ông A yêu cầu Tòa hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND xã Y (sau đây gọi tắt là Quyết định số 58/QĐ-UBND).

Căn cứ mà ông Phạm Minh A yêu cầu hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND xã Y là vì bản thân ông là con liệt sĩ, bị khuyết tật nặng 61%, chỉ được hưởng chế độ người khuyết tật mỗi tháng 360.000đ và 01 suất ruộng 750m², thu nhập của ông dưới 790.000đ nên vào tháng 02/2016, ông đã làm đơn xin hưởng chế độ ưu đãi dành cho con liệt sĩ bị khuyết tật nặng theo quy định số 20/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 và Nghị định số 31/2013/NĐ-CP, ngày 09/4/2013 của Chính phủ. Vào ngày 11/4/2017, Chủ tịch UBND xã Y ban hành Quyết định số 58/QĐ-UBND, theo quyết định này tính thu nhập hàng tháng của ông 1.063.958đ là cao hơn so với thực tế nên ông không được hưởng trợ cấp, trong khi đó thực tế thu nhập của ông là 360.000đ tiền khuyết tật, cộng với 750m² đất ruộng ông cho thuê 1.500.000đ/750m²/năm nên hàng tháng ông chỉ có thu nhập từ việc cho thuê ruộng là 125.000đ/tháng, như vậy thu nhập hàng tháng của ông chỉ 485.000đ. Mặc khác ông B cho rằng Hội đồng giám định ông bị khuyết tật nhẹ, trong khi đó ông bị khuyết tật 61% thì theo quy định của pháp luật đó là khuyết tật nặng. Ngoài ra trong quyết định này hộ của ông có 03 nhân khẩu, trong khi đó gia đình ông có 07 nhân khẩu nên khi nhận ruộng mới có diện tích là 5.250m², nhưng thực tế ông đang sử dụng 5.549,5m² trong đó ruộng khoảng là 5.250m² và 338m² đất đầu thầu đất dự phòng của xã, phần ruộng này ông đã cho ông K thuê 10 năm với giá 1.200.000đ/sào

thành tiền là 61.000.000đ và 750m² chia cho con gái cũng cho ông K thuê lấy lúa 450kg lúa/năm, phần ruộng còn lại cho ông L thuê 04 sào trong 10 năm với số tiền 40.000.000đ. Nhân khẩu tại thời điểm nhận ruộng khoán gồm bà M (chết năm 2001) bà có chồng tập kết, chồng bà là ông N chết năm 1976, giữa ông bà không có con nên ở cùng ông, thứ hai là ông Phạm Minh A, nhân khẩu thứ 3 là E, hiện ở cùng ông, thứ 4 là I, hiện ở M, N, thứ 5 là H, hiện ở Tp. Hồ Chí Minh, thứ 6 là G, hiện ở Tp. Hồ Chí Minh, thứ 7 là F, hiện ở Tp. Hồ Chí Minh. Như vậy trong sổ ruộng ông nhận là có phần của các nhân khẩu khác, phần ruộng của bà Đường là do ông nhận để lo hương khói cho bà.

Ngoài ra vợ chồng ông có bán bánh mì, do vợ ông mua bán thu nhập không đáng kể chỉ lãi khoảng 2.000đ đến 3.000đ/ngày. Về việc cho thuê tiệm thuốc mà UBND nói là phần nhà ông cho cháu ở nhờ, cháu ông gọi ông bằng bác, có tên là P chứ ông không cho thuê. Thời điểm năm 2016, con gái ông có cùng hộ khẩu với ông là F mới ra trường chưa xin được việc, đến năm 2019 con ông mới xin việc tự nhân thu nhập 3.000.000đ/tháng. Riêng tiền khuyết tật vợ chồng ông nhận 540.000đ kể từ tháng 9 năm 2016.

Vì vậy ông đề nghị Tòa hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã Y.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND xã Y, ông C trình bày:

Trên cơ sở đơn xin hưởng trợ cấp của ông Phạm Minh A, và phiếu chuyển số 113/PC-BTCD của Ban tiếp công dân huyện Z, UBND xã Y đã thành lập tổ công tác xác minh thu nhập cụ thể của hộ ông Phạm Minh A. Kết quả kiểm tra, xác minh thì thấy rằng hộ ông Phạm Minh A có mức thu nhập 1.063.958 đồng/người/tháng, cụ thể: Căn cứ vào nhân khẩu thường trú trong hộ ông A là 03, thực tế chỉ có 02 người còn 01 nhân khẩu ở Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ vào diện tích đất mà hộ ông A đang được nhà nước giao quyền là 5.549 m², ông A đang cho thuê với giá 101.000.000 đồng/10 năm/09 sào (4.500 m²) trong đó ông K thuê 2.500 m² trong 10 năm giá 61.000.000 đồng, ông L thuê 2.000 m² trong 10 năm với giá 40.000.000 đồng, còn lại 750m² ông cho ông K thuê với giá 450 kg lúa/năm căn cứ vào giấy thuê ruộng.

Ngoài ra căn cứ vào danh sách trợ cấp xã hội theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP, ngày 10/4/2012 và Nghị định số 136/NĐ-CP, ngày 21/10/2013 của Chính Phủ thì vợ chồng ông A và bà E thuộc mã đối tượng 4.4, hệ số 2.0, với số tiền trợ cấp là 540.000đ kể từ ngày 01/01/2016. Ngoài ra hộ ông A có con làm ở thành phố Hồ Chí Minh, bản thân ông và vợ ông A mua bán bánh mì, nước giải khát, chất đốt và có 01 căn nhà cho thuê kinh doanh thuốc tây hiệu thuốc QR.

Chủ tịch UBND xã Y tính riêng thu nhập từ việc cho thuê ruộng cộng tiền trợ cấp thì ông A có thu nhập là 1.063.958đ cụ thể cách tính (101.000.000 đồng/10 năm/12 tháng + 540.000 đồng x 02 người + (450 kg x 5.500 đồng/kg lúa)/12 tháng) : 2 người = 1.063.958 đồng.

Ngoài việc Chủ tịch UBND xã tính theo thu nhập thực tế phần ruộng cho thuê của hộ ông A và tính theo 07 nhân khẩu, thì phần thu nhập của hộ ông A còn có từ tiền nhà cho thuê, trợ cấp xã hội với mức 540.000 đồng/người/tháng, lãi từ việc mua bán bánh mì, củi, nước giải khát là 150.000 đồng/tháng và thu nhập của con gái ông A ở TPHCM với mức 1.000.000 đồng/tháng. Các khoản thu nhập này do tổ công tác xã phân công đã xác minh từ bà E là vợ của ông A cung cấp, thì mỗi nhân khẩu của ông A có thu nhập hơn 790.800 đồng thì vẫn không được hưởng chế độ theo Nghị định 20/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định 28/2012/NĐ-CP, ngày 10/4/2012 của Chính phủ. Tuy nhiên việc tính mức thu nhập của hộ ông A theo cách tính chia phần ruộng cho 02 nhân khẩu là sai. Do đó Chủ tịch UBND xã Y ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y. Nay ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND thì Chủ tịch UBND xã Y đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có khai và không có yêu cầu gì khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh Bình Định là ông D trình bày: Ngày 19/4/2017, ông A thực hiện việc khiếu nại lần 02 đối với Quyết định số 58/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND huyện Z. Ngày 06/7/2017, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 2695/QĐ-UBND công nhận Quyết định số 58/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật và xác định mức thu nhập hàng tháng của ông A là 1.769.000 đồng/tháng. Căn cứ để Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 2695/QĐ-UBND gồm:

- Ông A là con ruột của liệt sĩ Q. Hộ ông A có 03 nhân khẩu: E (vợ - chủ hộ), Phạm Minh A, F (con) ở X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. Trước đây, trong hộ còn có 03 người con gái, nay đã có chồng cất khẩu ở riêng.

- Căn cứ danh sách chi trợ cấp xã hội cho các đối tượng theo quy định tại NĐ 28 và NĐ 136 thì tại thời điểm tháng 5/2017, ông A thuộc mã đối tượng 4.4, hệ số 2.0, số tiền 540.000 đồng/tháng và vợ là bà E thuộc mã đối tượng 4.4, hệ số 2.0, số tiền 540.000 đồng/tháng.

- Con ruột F đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh với mức thu nhập thấp nhất là 3.000.000 đồng/tháng.

- Hộ có bán bánh mì, nước giải khát, chất đốt (củi) lãi thấp nhất là 10.000 đồng/ngày, thu nhập 300.000 đồng/tháng.

- Cho thuê căn nhà liền kề để bán thuốc tây hiệu QR, theo ông A đủ trả tiền điện, nước hàng ngày, thu nhập hàng tháng thấp nhất là 300.000 đồng.

- Hộ được giao quyền sử dụng diện tích đất sản xuất lúa là 5.549,5 m²; hiện ông A đang cho ông K và ông L thuê 101.000.000 đồng/10 năm/09 sào (4.500 m²) và 1,5 sào (750 m²) cho thuê với giá 450kg lúa/năm, giá thóc hiện nay 5.500 đồng/kg, quy tiền là 2.475.000 đồng. Trừ 03 suất ruộng phải chia cho 03 con gái có chồng ra ở riêng là 4,5 sào, còn lại 4,5 sào đã cho thuê 10 năm là 50.500.000 đồng, 01 năm là 5.050.000 đồng.

Tổng hợp các thu nhập một năm của hộ ông A là: Ruộng 06 sào cho thuê 7.525.000 đồng + trợ cấp xã hội 02 vợ chồng nhận 12.960.000 đồng + (bán bánh mì, nước giải khát, bán củi lãi 3.600.000 đồng + con gái làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh với mức thu nhập 36.000.000 đồng = 63.685.000 đồng; chia cho 03 người trong hộ, chia 12 tháng, 01 tháng từng thành viên trong hộ ông A có thu nhập là 1.769.000 đồng.

Căn cứ quy định thì mức chuẩn hiện nay được xác định là 1.318.000 đồng, 60% mức chuẩn là 790.800 đồng. Đối chiếu với thu nhập hằng tháng của ông A (1.769.000 đồng) thì ông A không thuộc đối tượng đủ điều kiện để đề nghị giải quyết chế độ con liệt sĩ bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định ông C trình bày:

UBND xã Y thống nhất như phần trình bày của người bị kiện. Ngoài ra trong quá trình Ủy ban nhân dân xã Y thành lập tổ công tác xác minh thu nhập của hộ ông A có chị R là cán bộ phụ trách văn hóa – xã hội là người trực tiếp làm việc với bà E, khi đó để xác minh được thu nhập của hộ ông A, bà E vợ ông A đã đến UBND xã để khai báo về thu nhập của gia đình và được chị R ghi vào giấy xác nhận thu nhập, trong đó thu nhập bình quân hàng tháng đối với buôn bán bánh mì 150.000 đồng, thu nhập của con là 1.000.000 đồng, trợ cấp xã hội là 720.000 đồng (02 người), tổng cộng là 1.870.000 đồng, bà E đã ký tên vào giấy xác nhận thu nhập. Ngoài ra UBND xã còn căn cứ vào các nguồn thu nhập cho thuê ruộng và tiêu chuẩn khác để lập giấy xác nhận mức thu nhập ngày 01 tháng 8 năm 2016 để lập hồ sơ chuyển Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Z. Nay UBND xã Y đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E trình bày:

Bà là vợ ông Phạm Minh A, trong hộ của bà hiện còn 03 người gồm vợ chồng bà và con gái tên là F. Hiện tại thu nhập của vợ chồng bà rất thấp gồm tiền mua bán bánh mì, bán củi lãi khoảng 2.000 đồng đến 3.000 đồng/ngày, trợ cấp xã hội từ trước tháng 9/2016 là 360.000 đồng, từ tháng 9/2016 là 540.000 đồng. Ngoài ra mỗi khẩu trong hộ của bà có 750 m² đất ruộng vợ chồng bà đã cho thuê, mỗi người được hưởng hàng tháng là 120.000 đồng. Đối với con gái bà tên là F mới được nhận làm việc ở TPHCM từ đầu năm 2019 với mức thu nhập 3.000.000 đồng/tháng, còn trước đó con bà vẫn chưa có việc làm. Theo bản trình bày của chị R thì việc bà có khai báo con gái bà có đi làm mức thu nhập tại TPHCM là 1.000.000 đồng, và lãi từ mua bán là 5.000 đồng/ngày là không đúng, cô R cán bộ xã Y tự ghi vào, còn chữ ký “T và E” là do cô R đưa bà ký vào. Việc cô R đưa bà ký là lừa gạt để bà ký vào chứ bà không cung cấp, bà cũng không nhớ kỹ ngày nào. Hơn nữa thời gian này là ngày 01/8/2016 thì bà đang điều trị bệnh ở TPHCM không có ở nhà. Còn việc cháu QR khai có thuê nhà bà để bán thuốc tây là không đúng, thực tế cho cháu U ở tự trả tiền điện nước, vì nhà bà với nhà cho thuê có 02 công tơ điện riêng, cháu U dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu, còn phần điện nhà bà vợ chồng bà tự trả. Đối với việc buôn bán bánh mì, củi, thì thời gian

bà đau bệnh nên không có mua bán. Vì vậy thực tế vợ chồng bà có thu nhập chỉ từ tiền cho thuê ruộng và tiền trợ cấp thấp hơn 790.000 đồng, nên đề nghị Tòa hủy Quyết định số 58 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y để chồng bà được hưởng theo chế độ con liệt sĩ bị khuyết tật nặng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị I, chị H, chị G, chị F thống nhất trình bày:

Các chị đều là con của ông Phạm Minh A và bà E, các chị được cấp 01 suất ruộng và đã cho thuê với giá 16.850.000 đồng/01 người/10 năm là có thật. Riêng chị F trình bày hiện chị vẫn còn trong hộ khẩu của ba mẹ chị, từ thời điểm năm 2016 đến tháng 01/2019 chị vẫn chưa có việc làm và mẹ chị ốm nặng có vào thành phố Hồ Chí Minh để chữa bệnh nên thời gian này chị chăm sóc mẹ chị nên không có thu nhập, đến tháng 01/2019 chị mới xin được việc làm và mức lương 3.000.000 đồng/tháng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh A vì không có căn cứ.
2. Về tiền án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Phạm Minh A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007383 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.

- Ngoài ra, bản án còn thông báo quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/5/2021, người khởi kiện ông Phạm Minh A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 58 ngày 11.4.2017 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định và tuyên hủy phần buộc ông phải chịu án phí của TAND huyện Z, tỉnh Bình Định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

-Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bác kháng cáo của ông Phạm Minh A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Chủ tịch UBND xã Y. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội, chấp nhận kháng cáo của ông A về phần án phí vì ông A là con liệt sĩ bị khuyết tật nặng và trên 60 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Minh A trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Minh A vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên xử hủy Quyết định số 58 ngày 11.4.2017 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định và yêu cầu xem xét ông không phải chịu tiền án phí.

Xét kháng cáo của ông Phạm Minh A, HĐXX thấy rằng:

Ngày 18/6/2020 Chủ tịch UBND xã Y ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 về việc hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Chủ tịch UBND xã Y. Đối tượng khởi kiện của ông A là Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Chủ tịch UBND xã Y không tồn tại nữa, tuy nhiên ông A tiếp tục khởi kiện, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tuyên xử hủy Quyết định số 58 ngày 11.4.2017 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Xét kháng cáo về án phí hành chính sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông A thuộc đối tượng là con liệt sĩ, người khuyết tật nặng và là người cao tuổi nên được miễn án phí. Do đó chấp nhận kháng cáo, miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm cho ông A.

[3] Về án phí:

Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm ông Phạm Minh A vì ông A là con liệt sĩ, người khuyết tật nặng và là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 58 ngày 11.4.2017 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Minh A về tiền án phí. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 4 Điều 57, Điều 137, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1, 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 235 của Luật tố tụng hành chính; Điều 7 Mục 3 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội; các Điều 17, 18, 31, 40 Luật khiếu nại, khoản 1 Điều 1 Nghị định

20/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Điểm c khoản 6 Điều 20 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh A.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Minh A.

Hoàn lại cho anh Phạm Minh A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007383 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005850 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Thanh Bình